

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HS-ST

Ngày: 08- 04 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sen

Ông Bùi Văn Độ

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST- HS ngày 31 tháng 3 năm 2025 đối với:

*** Bị cáo: Nguyễn Văn H**, sinh năm 1993 tại thành phố Hà Nội; Nơi ĐKTT: Xóm Cỏ, Chi Nê, xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Thôn Mán, xã Hưng Thi, huyện Lạc Th, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn Qu và bà Nguyễn Thị Nh; có vợ và có 02 con (Con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 040 của Công an huyện Đan Phượng lập ngày 21/01/2025; bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*** Bị hại:**

- Anh Trần Thế D, sinh năm 1997; địa chỉ: Cụm 5, xã Thọ X, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Suối Hai – Bộ công an; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Anh Tạ Đăng N, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn Thống Nh, xã Song Ph, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Cẩm – Bộ công an; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Bùi Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ: Cụm 5, xã Đan Ph, huyện Đan Ph,

thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Ông Trần Văn Th, sinh năm 1963; địa chỉ: Cụm 6, xã Thọ X, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

* Người làm chứng: Ông Trần Văn B, sinh năm 1974; địa chỉ: Cụm 5, xã Thọ X, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Bùi Văn T, Tạ Đăng N và Trần Thế D cùng làm nghề lái xe taxi, ba anh em chơi với nhau ngoài xã hội. Năm 2020, anh Bùi Văn T quen và chơi với Nguyễn Văn H. Ngày 31/01/2024, Tạ Đăng N và anh Trần Thế D bị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng theo Bản án số 11/2024/HS-ST. N, D nói chuyện với anh Bùi Văn T về việc muốn tìm người xin giảm nhẹ hình phạt cho mình. Quá trình chơi với H, biết H có nhiều mối quan hệ nên anh Bùi Văn T đã nhờ H lo giúp việc giảm án cho Tạ Đăng N và Trần Thế D. Nguyễn Văn H mặc dù không có chức năng, quyền hạn để xin giảm nhẹ hình phạt tù cho N, D nhưng đã nảy sinh ý định lấy tiền để tiêu sài cá nhân nên hứa hẹn xin giảm nhẹ hình phạt từ án phạt tù thành án phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Quá trình điều tra, xác định được như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng đầu tháng 2 năm 2024, anh Bùi Văn T và N hẹn gặp Nguyễn Văn H tại quán trà đá đối diện cổng Bệnh viện đa khoa huyện Đan Phượng. Tại đây, N đặt vấn đề với H về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho N, H đồng ý. Để cho T và N tin tưởng, H đưa T và N ra khu đô thị Royal City thuộc quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội để gặp một người đàn ông tên là Thế (Hưng không rõ lai lịch, quen biết qua mạng xã hội Viber), H giới thiệu là “đại ca” của H, có thể giúp được theo nguyện vọng của N. Khi gặp người này, N và anh T trình bày lại sự việc thì người này nói “Thôi cứ đi về đi, có gì trao đổi với H”. Từ đó, người đàn ông tên Thế không trao đổi, liên lạc gì với H, T và N về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho H. Sau đó, H lên mạng Internet tải mẫu đơn kháng cáo bảo N viết đơn kháng cáo gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Đến ngày 02/02/2024, anh T và N gặp H tại quán trà đá đối diện Bệnh viện đa khoa huyện Đan Phượng, H nói chi phí lo việc của N hết 80.000.000 đồng chắc chắn được, N đồng ý. Do không trực tiếp quen biết H nên N đưa tiền cho anh T để chuyển cho H tổng số tiền là 27.300.000 đồng. Anh T dùng tài khoản số 1130199599999 của mình mở tại Ngân hàng MBBank chuyển khoản cho Nguyễn Văn H, cụ thể:

Lần 1: Ngày 06/02/2024, anh T chuyển khoản số tiền 10.500.000 đồng sang tài khoản 3009205037937 mở tại Ngân hàng Agribank mang tên chủ tài khoản Nguyễn Văn H.

Lần 2: Ngày 21/02/2024, chuyển khoản số tiền 7.600.000 đồng vào tài khoản số 70352333 mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng mang tên chủ tài khoản Nguyễn Văn H.

Lần 3: Ngày 22/02/2024, chuyển số tiền 1.200.000 đồng vào tài khoản số 70352333 mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng mang tên chủ tài khoản Nguyễn Văn H.

Lần 4: Ngày 02/05/2024, chuyển khoản số tiền 8.800.000 đồng vào tài khoản số 70352333 mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng mang tên chủ tài khoản Nguyễn Văn H.

Sau khi nhận được tiền, H không liên hệ với ai để xin giảm án cho N mà sử dụng để tiêu sài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Ngày 18/5/2024, khi biết anh T đang nhờ H xin giảm nhẹ hình phạt cho N, Trần Thế D hỏi anh T xem H có thể xin giúp D được hưởng cải tạo không giam giữ không. Sau đó, anh T hỏi H thì H khẳng định sẽ xin giúp D giảm nhẹ hình phạt từ hình phạt tù thành hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và chỉ phí hết 170.000.000 đồng. Do không thấy anh D chuyển tiền nên ngày 20/5/2024, H nói với anh T bảo anh D chuyển tiền nhanh vì H đã nhờ được người giúp, nếu không mất uy tín của H. Sau đó, H bảo anh T và cùng anh T đến nhà D nói chuyện với mục đích thuyết phục để gia đình D sớm chuyển tiền cho mình để chiếm đoạt tiền. Tại nhà D, H nói dối là việc của D, H đã lo xong rồi chỉ phí để lo cho D được hưởng án treo 170.000.000 đồng. H yêu cầu gia đình D chuyển trước cho H số tiền 70.000.000 đồng còn 100.000.000 đồng khi nào xong việc thì chuyển nốt. Do gia đình D không biết H là ai nên đề nghị anh T đứng ra bảo lãnh đồng thời chịu trách nhiệm nếu không lo được việc giảm án thì anh T phải chịu trách nhiệm hoàn trả tiền, anh T đồng ý. Sau đó, ông Trần Văn Th bố đẻ của D nhờ em trai là ông Trần Văn B vay hộ 60.000.000 đồng. Ngày 21/5/2024, ông B chuyển khoản 60.000.000 đồng cho anh T để anh T chuyển cho H. Ngay sau đó, anh T dùng tài khoản của mình số 1130199599999 mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội MB chuyển vào tài khoản số 970352333 của H mở tại Ngân hàng Vpbank số tiền 70.000.000 đồng với nội dung “Tien coc chay an của em tran the D”. Trong đó, 60.000.000 đồng là tiền cả ông B chuyển cho T, 10.000.000 đồng là tiền anh T cho D vay. Sau khi nhận được tiền, H đã tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi đưa tiền cho H để xin giảm nhẹ hình phạt từ án phạt tù thành án phạt tù nhưng cho hưởng án treo, anh N và anh D viết đơn kháng cáo theo hướng dẫn của H. Sau khi anh N, anh T và anh D biết được xét xử phúc thẩm thì vẫn giữ nguyên hình phạt chứ không được giảm nhẹ nên đã rút đơn kháng cáo. Sau đó anh T, N và D liên hệ với H để yêu cầu trả lại tiền nhưng không liên lạc được, H chặn mọi liên lạc. Ngày 30/5/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ra Quyết định số 466/2024/HSPT- QĐ về việc đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 319/2024/TLPT-HS ngày 21/3/2024 đối với Tạ Đăng N và Trần Thế D. Đến ngày 24/6/2024, anh T có đơn trình báo Công an huyện Đan Phượng.

Bản Cáo trạng số 17/CT-VKS-ĐP ngày 03 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận hành vi đã thực hiện như nội dung bản Cáo trạng nêu trên. Bị cáo đã nhận tiền của phía bị hại xong nhưng bị cáo không đến gặp ai để lo giảm án cho các bị hại mà dùng tiền để tiêu sài cá nhân. Bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật nên đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho phía bị hại nên bị hại không có yêu cầu đề nghị gì thêm. Xử lý vật chứng: Không có. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H đã thành khẩn khai nhận hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Nguyễn Văn H không có khả năng giúp cho Tạ Đăng N, Trần Thế D giảm án từ hình phạt tù sang hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, tuy nhiên từ tháng 02 đến tháng 05 năm 2024, tại xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, H đưa ra thông tin giả mạo về việc đã tìm được chỗ lo giảm án cho N, D và hứa hẹn tìm được người đủ điều kiện giúp đỡ N, D xin giảm án. N, D tin tưởng đồng ý giao số tiền 97.300.000 đồng cho H. Do không quen biết với H từ trước nên N, D nhờ anh Bùi Văn T là bạn thân của N, D đồng thời quen biết với H đứng ra bảo đảm và chuyển số tiền 97.300.000 đồng cho H (Trong đó của N là 27.300.000 đồng, D là 70.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền, H không liên hệ với ai để giúp N, D mà sử dụng để chi tiêu cá nhân.

Tại thời điểm phạm tội Nguyễn Văn H có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của H nêu trên đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 06 lần nhận tiền của phía bị hại với tổng số tiền 97.300.000 đồng trong đó có 05 lần nhận số tiền đều trên 2.000.000 đồng. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã trả hết số tiền cho bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Theo khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền, xét thấy bị cáo H là lao động tự do, thu nhập không ổn định và phải chấp hành án phạt tù nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn H đã trả cho anh Bùi Văn T số tiền 97.300.000 đồng, anh T đã trả lại cho Tạ Đăng N và Trần Thế D, không yêu cầu, đề nghị gì về dân sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Không có

[7] Các vấn đề khác:

Quá trình điều tra, xác định anh Bùi Văn T chuyển khoản số tiền 300.000 đồng, 80.000 đồng và một số lần khác nữa cho Nguyễn Văn H nhưng đây là tiền anh T cho H vay, không liên quan đến việc chạy lo giám án của D và N nên không đề cập xử lý hành vi này đối với H.

Đối với người N giới tên Thế (không rõ lai lịch), H khai quen biết qua mạng xã hội Viber ngoài ra không có thông tin gì khác nên không có căn cứ để làm rõ.

Đối với anh Bùi Văn T có mối quan hệ bạn bè với Tạ Đăng N và Trần Thế D, khi nhờ Nguyễn Văn H xin giảm nhẹ hình phạt cho N và D thì anh T và N, D cũng như người nhà D đều gặp H để trao đổi thông tin với H về số tiền H yêu cầu. Bản thân anh T không được hưởng lợi gì, không gian dối để nhằm chiếm đoạt tài sản và không biết H có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn H, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt thi hành án.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CQTHAHS huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu